

### Phụ lục III

## HƯỚNG DẪN BỘ CHỈ SỐ GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

(Kèm theo Thông tư số /2026/TT-BNNMT ngày tháng năm 2026  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

### Phần I. BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ, GIÁM SÁT MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

#### I. TỶ LỆ XÃ ĐƯỢC CÔNG NHẬN ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI

##### 1. Giải thích từ ngữ

- Xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới là xã đáp ứng các yêu cầu, quy định của cấp có thẩm quyền về đạt chuẩn nông thôn mới và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

- Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới là tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới so với tổng số xã trên địa bàn.

##### 2. Phương pháp tính

Thông kê cộng dồn số lượng xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn đến kỳ báo cáo và tính toán tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn NTM (\%)} = \frac{\text{Tổng số xã được công nhận đạt chuẩn NTM trên địa bàn}}{\text{Tổng số xã trên địa bàn}} \times 100$$

##### 3. Phân tổ chủ yếu

- Tỉnh, thành phố;
- Vùng kinh tế - xã hội: Trung du và miền núi phía Bắc; Đồng bằng sông Hồng; Bắc Trung Bộ; Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, Đông Nam Bộ; Đồng bằng sông Cửu Long.
- Cả nước.

##### 4. Kỳ báo cáo: 6 tháng, hằng năm.

**5. Nguồn số liệu:** Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình theo Mẫu báo cáo được quy định tại Phụ lục I Thông tư này.

##### 6. Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp

- Cấp toàn ngành: Văn phòng Điều phối Quốc gia Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 (gọi tắt là Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia).

- Cấp tỉnh: Đơn vị được giao thực hiện Chương trình cấp tỉnh.

## 7. Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, báo cáo

- Cấp Trung ương: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

## II. TỶ LỆ XÃ ĐƯỢC CÔNG NHẬN NÔNG THÔN MỚI HIỆN ĐẠI TRÊN TỔNG SỐ XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI

### 1. Giải thích từ ngữ

- Xã được công nhận đạt nông thôn mới hiện đại là xã đáp ứng các yêu cầu, quy định của cấp có thẩm quyền về đạt quy định khung thí điểm xây dựng nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030 và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công nhận nông thôn mới hiện đại.

- Tỷ lệ xã được công nhận nông thôn mới hiện đại là tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng số xã được công nhận nông thôn mới hiện đại so với tổng số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn.

### 2. Phương pháp tính

Thống kê cộng dồn số lượng xã được công nhận nông thôn mới hiện đại trên địa bàn đến kỳ báo cáo và tính toán tỷ lệ xã được công nhận nông thôn mới hiện đại theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ xã được công nhận NTM hiện đại (\%)} = \frac{\text{Tổng số xã được công nhận NTM hiện đại trên địa bàn}}{\text{Tổng số xã được công nhận đạt chuẩn NTM trên địa bàn}} \times 100$$

### 3. Phân tổ chủ yếu

- Tỉnh, thành phố;
- Vùng kinh tế - xã hội: Trung du và miền núi phía Bắc; Đồng bằng sông Hồng; Bắc Trung Bộ; Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, Đông Nam Bộ; Đồng bằng sông Cửu Long.
- Cả nước.

### 4. Kỳ báo cáo: 6 tháng, hằng năm.

**5. Nguồn số liệu:** Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình theo Mẫu báo cáo được quy định tại Phụ lục I Thông tư này.

### 6. Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp

- Cấp toàn ngành: Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia.
- Cấp tỉnh: Đơn vị được giao thực hiện Chương trình cấp tỉnh.

## 7. Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, báo cáo

- Cấp Trung ương: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

### III. SỐ TỈNH, THÀNH PHỐ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

#### 1. Giải thích từ ngữ

Tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới là tỉnh, thành phố đáp ứng các yêu cầu, quy định của cấp có thẩm quyền về quy định tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 và được Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

#### 2. Phương pháp tính

Thông kê cộng dồn số lượng tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới đến thời kỳ báo cáo.

#### 3. Phân tổ chủ yếu

- Vùng kinh tế - xã hội: Trung du và miền núi phía Bắc; Đồng bằng sông Hồng; Bắc Trung Bộ; Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, Đông Nam Bộ; Đồng bằng sông Cửu Long.

- Cả nước.

#### 4. Kỳ báo cáo: 6 tháng, hằng năm.

**5. Nguồn số liệu:** Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình theo Mẫu báo cáo được quy định tại Phụ lục I Thông tư này.

**6. Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp:** - Cấp toàn ngành: Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia.

**7. Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, báo cáo:** Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

### IV. BÌNH QUÂN TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI ĐẠT CHUẨN/XÃ

#### 1. Giải thích từ ngữ

- Tiêu chí xã nông thôn mới là tiêu chí được quy định trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới.

- Tiêu chí xã nông thôn mới đạt chuẩn là tiêu chí đạt tất cả các nội dung thành phần của tiêu chí đó theo chỉ tiêu quy định áp dụng trên địa bàn.

- Bình quân tiêu chí xã nông thôn mới đạt chuẩn/xã là tổng số tiêu chí xã nông thôn mới đạt chuẩn của các xã trên địa bàn so với cho tổng số xã trên địa bàn.

#### 2. Phương pháp tính

Dựa theo số liệu báo cáo của đơn vị được giao thực hiện Chương trình, cấp tỉnh tính toán số liệu số tiêu chí nông thôn mới đạt chuẩn bình quân/xã theo công thức sau:

$$\text{Bình quân tiêu chí NTM đạt chuẩn/xã} = \frac{\text{Tổng số tiêu chí xã NTM đạt chuẩn của các xã trên địa bàn}}{\text{Tổng số xã trên địa bàn}}$$

### 3. Phân tổ chủ yếu

- Tỉnh, thành phố;
- Vùng kinh tế - xã hội: Trung du và miền núi phía Bắc; Đồng bằng sông Hồng; Bắc Trung Bộ; Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, Đông Nam Bộ; Đồng bằng sông Cửu Long.
- Cả nước.

### 4. Kỳ báo cáo: 6 tháng, hằng năm.

**5. Nguồn số liệu:** Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình theo Mẫu báo cáo được quy định tại Phụ lục I Thông tư này.

### 6. Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp

- Cấp toàn ngành: Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia.
- Cấp tỉnh: Đơn vị được giao thực hiện Chương trình cấp tỉnh.

### 7. Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, báo cáo

- Cấp Trung ương: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

## V. TỶ LỆ HỘ NGHÈO ĐA CHIỀU

### 1. Giải thích từ ngữ

- Hộ nghèo đa chiều là hộ gia đình có mức sống dưới chuẩn quy định, được xác định dựa trên sự kết hợp giữa thu nhập và mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản theo quy định của cấp có thẩm quyền về quy định chuẩn nghèo đa chiều.

- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều được xác định bằng tỷ lệ (%) tổng số hộ nghèo đa chiều (*trừ số hộ nghèo đa chiều không có khả năng lao động*) được cấp có thẩm quyền quyết định công nhận theo kết quả rà soát trên địa bàn so với tổng số hộ dân cư trên địa bàn tại thời điểm xác định.

**2. Phương pháp tính:** Thực hiện theo khoản 2 Điều 22 Thông tư số 14/2026/TT-BNNMT ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số nội dung tiêu chí, điều kiện thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (*gọi tắt là Thông tư số 14/2026/TT-BNNMT*).

### 3. Phân tổ chủ yếu

- Tỉnh, thành phố;
- Vùng kinh tế - xã hội: Trung du và miền núi phía Bắc; Đồng bằng sông Hồng; Bắc Trung Bộ; Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, Đông Nam Bộ; Đồng bằng sông Cửu Long.
- Cả nước.

#### **4. Kỳ báo cáo:** Hằng năm.

**5. Nguồn số liệu:** Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình theo Mẫu báo cáo được quy định tại Phụ lục I Thông tư này.

#### **6. Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Cấp toàn ngành: Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia.
- Cấp tỉnh: Đơn vị được giao thực hiện Chương trình cấp tỉnh.

#### **7. Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, báo cáo**

- Cấp Trung ương: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

### **VI. TỶ LỆ HỘ CẬN NGHÈO ĐA CHIỀU**

#### **1. Giải thích từ ngữ**

- Hộ cận nghèo đa chiều là hộ gia đình có mức sống dưới chuẩn quy định, được xác định dựa trên sự kết hợp giữa thu nhập và mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản theo quy định của cấp có thẩm quyền về quy định chuẩn nghèo đa chiều.

- Tỷ lệ hộ cận nghèo đa chiều được xác định bằng tỷ lệ (%) tổng số hộ cận nghèo đa chiều (*trừ số hộ cận nghèo đa chiều không có khả năng lao động*) được cấp có thẩm quyền quyết định công nhận theo kết quả rà soát trên địa bàn so với tổng số hộ dân cư trên địa bàn tại thời điểm xác định.

**2. Phương pháp tính:** Thực hiện theo khoản 3 Điều 22 Thông tư số 14/2026/TT-BNNMT.

#### **3. Phân tổ chủ yếu**

- Tỉnh, thành phố;
- Vùng kinh tế - xã hội: Trung du và miền núi phía Bắc; Đồng bằng sông Hồng; Bắc Trung Bộ; Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, Đông Nam Bộ; Đồng bằng sông Cửu Long.
- Cả nước.

#### **4. Kỳ báo cáo:** Hằng năm.

**5. Nguồn số liệu:** Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình theo Mẫu báo cáo được quy định tại Phụ lục I Thông tư này.

#### **6. Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Cấp toàn ngành: Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia.
- Cấp tỉnh: Đơn vị được giao thực hiện Chương trình cấp tỉnh.

#### **7. Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, báo cáo**

- Cấp Trung ương: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

## VII. TỶ LỆ NGHÈO ĐA CHIỀU

### 1. Giải thích từ ngữ

- Nghèo đa chiều là phương pháp xác định hộ nghèo dựa trên việc kết hợp giữa mức thu nhập và mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản đáp ứng các yêu cầu, quy định của cấp có thẩm quyền về quy định chuẩn nghèo đa chiều.

- Tỷ lệ nghèo đa chiều là tỷ lệ phần trăm (%) được xác định bằng tổng tỷ lệ hộ nghèo đa chiều với tỷ lệ hộ cận nghèo đa chiều (*không bao gồm hộ nghèo và hộ cận nghèo đa chiều không có khả năng lao động*).

### 2. Phương pháp tính:

Theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ nghèo đa chiều} = \text{Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều} + \text{Tỷ lệ hộ cận nghèo đa chiều}$$

### 3. Phân tổ chủ yếu

- Tỉnh, thành phố;
- Vùng kinh tế - xã hội: Trung du và miền núi phía Bắc; Đồng bằng sông Hồng; Bắc Trung Bộ; Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, Đông Nam Bộ; Đồng bằng sông Cửu Long.
- Cả nước.

### 4. Kỳ báo cáo: Hằng năm.

**5. Nguồn số liệu:** Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình theo Mẫu báo cáo được quy định tại Phụ lục I Thông tư này.

### 6. Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp

- Cấp toàn ngành: Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia.
- Cấp tỉnh: Đơn vị được giao thực hiện Chương trình cấp tỉnh.

### 7. Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, báo cáo

- Cấp Trung ương: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

## VII. TỶ LỆ HỘ NGHÈO ĐA CHIỀU VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

### 1. Giải thích từ ngữ

- Hộ nghèo đa chiều vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là hộ gia đình có mức sống dưới chuẩn quy định, được xác định dựa trên sự kết hợp giữa thu nhập và mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản theo quy định của cấp có thẩm quyền về quy định chuẩn nghèo đa chiều.

- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được xác định bằng tỷ lệ (%) tổng số hộ nghèo đa chiều (*trừ số hộ nghèo đa chiều không có khả năng lao động*) được cấp có thẩm quyền quyết định công nhận theo kết quả rà soát trên địa bàn so với tổng số hộ dân cư trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tại thời điểm xác định.

## 2. Phương pháp tính:

$$\text{Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều vùng đồng bào DTTS\&MN (\%)} = \frac{\text{Tổng số hộ nghèo đa chiều (trừ số hộ nghèo đa chiều không có khả năng lao động)}}{\text{Tổng số hộ dân cư trong vùng đồng bào DTTS \& MN}} \times 100$$

## 3. Phân tổ chủ yếu

- Tỉnh, thành phố;
- Vùng kinh tế - xã hội: Trung du và miền núi phía Bắc; Đồng bằng sông Hồng; Bắc Trung Bộ; Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, Đông Nam Bộ; Đồng bằng sông Cửu Long.
- Cả nước.

## 4. Kỳ báo cáo: Hằng năm.

**5. Nguồn số liệu:** Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình theo Mẫu báo cáo được quy định tại Phụ lục I Thông tư này.

## 6. Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp

- Cấp toàn ngành: Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia.
- Cấp tỉnh: Đơn vị được giao thực hiện Chương trình cấp tỉnh.

## 7. Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, báo cáo

- Cấp Trung ương: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

# IX. SỐ XÃ VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI RA KHỎI DIỆN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN

## 1. Giải thích từ ngữ

Xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được xác định là ra khỏi diện đặc biệt khó khăn theo hướng dẫn của Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

## 2. Phương pháp tính:

Số xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi ra khỏi diện đặc biệt khó khăn là tổng số xã trên địa bàn được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt đưa ra khỏi danh sách xã đặc biệt khó khăn.

### **3. Phân tổ chủ yếu**

- Tỉnh, thành phố;
- Vùng kinh tế - xã hội: Trung du và miền núi phía Bắc; Đồng bằng sông Hồng; Bắc Trung Bộ; Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, Đông Nam Bộ; Đồng bằng sông Cửu Long.
- Cả nước.

### **4. Kỳ báo cáo: 6 tháng, Hằng năm.**

**5. Nguồn số liệu:** Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình theo Mẫu báo cáo được quy định tại Phụ lục I Thông tư này.

### **6. Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Cấp toàn ngành: Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia.
- Cấp tỉnh: Đơn vị được giao thực hiện Chương trình cấp tỉnh.

### **7. Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, báo cáo**

- Cấp Trung ương: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

## **X. SỐ THÔN VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI RA KHỎI DIỆN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN**

### **1. Giải thích từ ngữ**

Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được xác định là ra khỏi diện đặc biệt khó khăn theo hướng dẫn của Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

### **2. Phương pháp tính:**

Số thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi ra khỏi diện đặc biệt khó khăn là tổng số thôn trên địa bàn được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt đưa ra khỏi danh sách thôn đặc biệt khó khăn.

### **3. Phân tổ chủ yếu**

- Tỉnh, thành phố;
- Vùng kinh tế - xã hội: Trung du và miền núi phía Bắc; Đồng bằng sông Hồng; Bắc Trung Bộ; Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, Đông Nam Bộ; Đồng bằng sông Cửu Long.
- Cả nước.

### **4. Kỳ báo cáo: 6 tháng, Hằng năm.**

**5. Nguồn số liệu:** Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình theo Mẫu báo cáo được quy định tại Phụ lục I Thông tư này.

### **6. Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**



- Cấp toàn ngành: Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia.
- Cấp tỉnh: Đơn vị được giao thực hiện Chương trình cấp tỉnh.

## **7. Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, báo cáo**

- Cấp Trung ương: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

# **PHẦN II. BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ, GIÁM SÁT KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ NÔNG THÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2026-2030**

## **I. TỶ LỆ CÁC XÃ ĐẠT TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI**

### **1. Giải thích từ ngữ**

- Xã đạt tiêu chí xã nông thôn mới trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới là xã đạt tất cả các nội dung của tiêu chí đó theo quy định áp dụng trên địa bàn.
- Tỷ lệ xã đạt tiêu chí xã nông thôn mới là tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng số xã đạt tiêu chí xã nông thôn mới đó so với tổng số xã trên địa bàn.

### **2. Phương pháp tính**

- Đánh giá mức đạt các chỉ tiêu của tiêu chí xã nông thôn mới theo các văn bản hướng dẫn của các bộ, cơ quan trung ương.
- Thống kê cộng dồn số lượng xã đạt tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn đến kỳ báo cáo và tính toán tỷ lệ xã đạt tiêu chí nông thôn mới theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ xã đạt tiêu chí NTM (\%)} = \frac{\text{Tổng số xã đạt tiêu chí NTM đó trên địa bàn}}{\text{Tổng số xã trên địa bàn}} \times 100$$

**Ví dụ:**

$$\text{Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quy hoạch (\%)} = \frac{\text{Tổng số xã đạt tiêu chí quy hoạch trên địa bàn}}{\text{Tổng số xã trên địa bàn}} \times 100$$

### **3. Phân tổ chủ yếu**

- Tiêu chí;
- Số tiêu chí đạt: 10 tiêu chí; 9 - 5 tiêu chí; dưới 5 tiêu chí;
- Tỉnh, thành phố;
- Vùng kinh tế - xã hội: Trung du và miền núi phía Bắc; Đồng bằng sông Hồng; Bắc Trung Bộ; Nam Trung Bộ và Tây Nguyên; Đông Nam Bộ; Đồng bằng sông Cửu Long.
- Cả nước.

**4. Kỳ báo cáo:** 6 tháng, hằng năm.

**5. Nguồn số liệu:** Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình theo Mẫu báo cáo được quy định tại Phụ lục I Thông tư này.

**6. Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Cấp toàn ngành: Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia.
- Cấp tỉnh: Đơn vị được giao thực hiện Chương trình cấp tỉnh.

**7. Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, báo cáo**

- Cấp Trung ương: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**II. TỶ LỆ CÁC XÃ ĐẠT TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI HIỆN ĐẠI**

**1. Giải thích từ ngữ**

- Xã đạt tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại theo khung thí điểm xây dựng xã nông thôn mới hiện đại thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 là xã đạt tất cả các nội dung của tiêu chí đó theo quy định áp dụng trên địa bàn.

- Tỷ lệ xã đạt tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại là tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng số xã đạt tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại đó so với tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn.

**2. Phương pháp tính**

- Đánh giá mức đạt các chỉ tiêu của tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại theo các văn bản hướng dẫn của các bộ, cơ quan trung ương và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

- Thống kê cộng dồn số lượng xã đạt quy định nông thôn mới hiện đại trên địa bàn đến kỳ báo cáo và tính toán tỷ lệ xã đạt tiêu chí nông thôn mới hiện đại theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ xã đạt tiêu chí NTM hiện đại (\%)} = \frac{\text{Tổng số xã đạt tiêu chí NTM hiện đại đó trên địa bàn}}{\text{Tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn}} \times 100$$

**3. Phân tổ chủ yếu**

- Tiêu chí;
- Số tiêu chí đạt: 8 tiêu chí; 7 - 5 tiêu chí; dưới 5 tiêu chí;
- Tỉnh, thành phố;
- Vùng kinh tế - xã hội: Trung du và miền núi phía Bắc; Đồng bằng sông Hồng; Bắc Trung Bộ; Nam Trung Bộ và Tây Nguyên; Đông Nam Bộ; Đồng bằng sông Cửu Long.

- Cả nước.

**4. Kỳ báo cáo:** 6 tháng, hằng năm.

**5. Nguồn số liệu:** Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình theo Mẫu báo cáo được quy định tại Phụ lục I Thông tư này.

**6. Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Cấp toàn ngành: Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia.
- Cấp tỉnh: Đơn vị được giao thực hiện Chương trình cấp tỉnh.

**7. Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, báo cáo**

- Cấp Trung ương: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

### **III. TỈNH, THÀNH PHỐ ĐẠT TIÊU CHÍ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

**1. Giải thích từ ngữ**

Tỉnh, thành phố đạt tiêu chí theo quy định tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 là tỉnh đạt tất cả các nội dung của tiêu chí đó theo quy định áp dụng trên địa bàn.

**2. Phương pháp tính**

Chỉ tiêu tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới được đánh giá ĐẠT khi đáp ứng đủ các điều kiện theo hướng dẫn của các bộ, cơ quan trung ương.

**3. Phân tổ chủ yếu**

- Tiêu chí;
- Số tiêu chí đạt: 13 tiêu chí; 12 - 10 tiêu chí; 9-5 tiêu chí; dưới 5 tiêu chí.
- Tỉnh, thành phố;
- Vùng kinh tế - xã hội: Trung du và miền núi phía Bắc; Đồng bằng sông Hồng; Bắc Trung Bộ; Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, Đông Nam Bộ; Đồng bằng sông Cửu Long.
- Cả nước.

**4. Kỳ báo cáo:** 6 tháng, hằng năm.

**5. Nguồn số liệu:** Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình theo Mẫu báo cáo được quy định tại Phụ lục I Thông tư này.

**6. Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Cấp toàn ngành: Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia.
- Cấp tỉnh: Đơn vị được giao thực hiện Chương trình cấp tỉnh.

## **7. Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, báo cáo**

- Cấp Trung ương: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

# **Phần III. BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ, GIÁM SÁT KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

## **I. TỔNG NGUỒN LỰC HUY ĐỘNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

### **1. Giải thích từ ngữ**

Tổng nguồn lực huy động thực hiện Chương trình bao gồm: Tổng vốn ngân sách trung ương (vốn đầu tư công; kinh phí thường xuyên); tổng vốn ngân sách địa phương (vốn đầu tư công; kinh phí thường xuyên); vốn lồng ghép (vốn từ các chương trình MTQG, chương trình, dự án khác được bố trí thực hiện các nội dung thành phần của Chương trình hoặc góp phần đạt được các tiêu chí nông thôn mới theo quy định trên địa bàn nông thôn); vốn tín dụng chính sách; vốn doanh nghiệp; huy động đóng góp tự nguyện của cộng đồng và người dân.

### **2. Phương pháp tính**

Thống kê cộng toàn bộ nguồn lực bố trí thực hiện các nội dung thành phần của Chương trình để đạt được các mục tiêu của Chương trình trên địa bàn của từng năm đến kỳ báo cáo và tính toán theo công thức sau:

Tổng nguồn lực huy động (triệu đồng) = Tổng các nguồn vốn (vốn ngân sách trung ương; vốn ngân sách địa phương; vốn lồng ghép; vốn tín dụng; vốn doanh nghiệp; huy động tự nguyện từ cộng đồng và người dân).

### **3. Phân tổ chủ yếu**

- Tỉnh, thành phố;
- Vùng kinh tế - xã hội: Trung du và miền núi phía Bắc; Đồng bằng sông Hồng; Bắc Trung Bộ; Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, Đông Nam Bộ; Đồng bằng sông Cửu Long.
- Cả nước.

### **4. Kỳ báo cáo: 6 tháng, hằng năm.**

**5. Nguồn số liệu:** Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình theo Mẫu báo cáo được quy định tại Phụ lục I Thông tư này.

### **6. Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Cấp toàn ngành: Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia.
- Cấp tỉnh: Đơn vị được giao thực hiện Chương trình cấp tỉnh.

## **7. Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, báo cáo**

- Cấp Trung ương: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

## **II. VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**

### **1. Giải thích từ ngữ**

Vốn ngân sách trung ương, bao gồm: Vốn đầu tư công, kinh phí thường xuyên được cấp có thẩm quyền giao hằng năm cho địa phương để triển khai thực hiện Chương trình.

### **2. Phương pháp tính**

Thông kê cộng toàn bộ nguồn vốn ngân sách trung ương để thực Chương trình trên địa bàn đến kỳ báo cáo và tính toán theo công thức sau:

Vốn ngân sách trung ương (triệu đồng) = Tổng các nguồn vốn (vốn đầu tư công, kinh phí thường xuyên) từ ngân sách trung ương được cấp có thẩm quyền giao hằng năm cho địa phương để thực hiện Chương trình.

### **3. Phân tổ chủ yếu**

- Tỉnh, thành phố;
- Vùng kinh tế - xã hội: Trung du và miền núi phía Bắc; Đồng bằng sông Hồng; Bắc Trung Bộ; Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, Đông Nam Bộ; Đồng bằng sông Cửu Long.
- Cả nước.

### **4. Kỳ báo cáo: 6 tháng, hằng năm.**

**5. Nguồn số liệu:** Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình theo Mẫu báo cáo được quy định tại Phụ lục I Thông tư này.

### **6. Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Cấp toàn ngành: Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia.
- Cấp tỉnh: Đơn vị được giao thực hiện Chương trình cấp tỉnh.

### **7. Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, báo cáo**

- Cấp Trung ương: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

## **III. VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**

### **1. Giải thích từ ngữ**

- Đối với các tỉnh, thành phố được hỗ trợ vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình: Vốn ngân sách địa phương bố trí thực hiện Chương trình là tổng vốn ngân sách địa phương các cấp (tỉnh, xã) bố trí để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình, theo tỷ lệ đối ứng được quy định tại Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu

chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình.

- Đối với các tỉnh, thành phố không được hỗ trợ vốn từ ngân sách trung ương thực hiện Chương trình: Vốn ngân sách địa phương bố trí thực hiện Chương trình là tổng vốn ngân sách địa phương các cấp (tỉnh, xã) tự cân đối để bố trí thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện Chương trình.

## **2. Phương pháp tính**

Thông kê cộng toàn bộ nguồn vốn ngân sách địa phương các cấp được bố trí để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện Chương trình trên địa bàn đến kỳ báo cáo và tính toán theo công thức sau:

Vốn ngân sách địa phương (triệu đồng) = Tổng các nguồn vốn (đầu tư công, kinh phí thường xuyên) từ ngân sách địa phương các cấp (tỉnh, xã) bố trí thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình tính đến thời điểm báo cáo.

## **3. Phân tổ chủ yếu**

- Tỉnh, thành phố;
- Vùng kinh tế - xã hội: Trung du và miền núi phía Bắc; Đồng bằng sông Hồng; Bắc Trung Bộ; Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, Đông Nam Bộ; Đồng bằng sông Cửu Long.
- Cả nước.

## **4. Kỳ báo cáo: 6 tháng, hằng năm.**

**5. Nguồn số liệu:** Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình theo Mẫu báo cáo được quy định tại Phụ lục I Thông tư này.

## **6. Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Cấp toàn ngành: Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia.
- Cấp tỉnh: Đơn vị được giao thực hiện Chương trình cấp tỉnh.

## **7. Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, báo cáo**

- Cấp Trung ương: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

# **IV. VỐN LÒNG GHÉP**

## **1. Giải thích từ ngữ**

- Vốn lòng ghép là các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao thực hiện từ các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án khác được lòng ghép để thực hiện/hoặc góp phần thực hiện các nội dung của Chương trình trên địa bàn nông thôn.

- Vốn lồng ghép không thuộc vốn đối ứng từ ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình theo quy định.

## **2. Phương pháp tính**

Thống kê cộng toàn bộ vốn lồng ghép để thực hiện Chương trình trên địa bàn và tính toán theo công thức sau:

Tổng vốn lồng ghép (triệu đồng) = Tổng các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao thực hiện từ các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án khác được lồng ghép để thực hiện Chương trình.

## **3. Phân tổ chủ yếu**

- Tỉnh, thành phố;
- Vùng kinh tế - xã hội: Trung du và miền núi phía Bắc; Đồng bằng sông Hồng; Bắc Trung Bộ; Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, Đông Nam Bộ; Đồng bằng sông Cửu Long.
- Cả nước.

## **4. Kỳ báo cáo: 6 tháng, hằng năm.**

**5. Nguồn số liệu:** Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình theo Mẫu báo cáo được quy định tại Phụ lục I Thông tư này.

## **6. Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Cấp toàn ngành: Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia.
- Cấp tỉnh: Đơn vị được giao thực hiện Chương trình cấp tỉnh.

## **7. Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, báo cáo**

- Cấp Trung ương: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

# **V. VỐN TÍN DỤNG CHÍNH SÁCH**

## **1. Giải thích từ ngữ**

Vốn tín dụng chính sách là nguồn vốn từ ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao, để thực hiện tín dụng chính sách xã hội, góp phần hoàn thành các mục tiêu của Chương trình. Nguồn vốn tín dụng chính sách thực hiện Chương trình theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

## **2. Phương pháp tính**

Thống kê cộng toàn bộ nguồn vốn tín dụng chính sách thực hiện Chương trình trên địa bàn xã đến kỳ báo cáo và tính toán theo công thức sau:

Vốn tín dụng chính sách (triệu đồng) = Tổng dư nợ của Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay để thực hiện Chương trình.

## **3. Phân tổ chủ yếu**

- Tỉnh, thành phố;
- Vùng kinh tế - xã hội: Trung du và miền núi phía Bắc; Đồng bằng sông Hồng; Bắc Trung Bộ; Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, Đông Nam Bộ; Đồng bằng sông Cửu Long.

- Cả nước.

**4. Kỳ báo cáo:** 6 tháng, hằng năm.

**5. Nguồn số liệu:** Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình theo Mẫu báo cáo được quy định tại Phụ lục I Thông tư này.

#### **6. Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Cấp toàn ngành: Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia.
- Cấp tỉnh: Đơn vị được giao thực hiện Chương trình cấp tỉnh.

#### **7. Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, báo cáo**

- Cấp Trung ương: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

### **VI. VỐN DOANH NGHIỆP**

#### **1. Giải thích từ ngữ**

Vốn doanh nghiệp là nguồn vốn huy động từ doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế khác được thực hiện thông qua hình thức hỗ trợ tiền mặt, sản phẩm của doanh nghiệp (như xi măng, sắt thép, gạch, ngói,...), tham gia đầu tư trực tiếp.

#### **2. Phương pháp tính**

Thống kê cộng toàn bộ nguồn vốn doanh nghiệp thực hiện Chương trình trên địa bàn đến kỳ báo cáo và tính toán theo công thức sau:

Vốn doanh nghiệp (triệu đồng) = Tổng vốn huy động từ doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế khác được thực hiện thông qua hình thức hỗ trợ tiền mặt, sản phẩm của doanh nghiệp (như xi măng, sắt thép, gạch, ngói,...), tham gia đầu tư trực tiếp.

#### **3. Phân tổ chủ yếu**

- Tỉnh, thành phố;
- Vùng kinh tế - xã hội: Trung du và miền núi phía Bắc; Đồng bằng sông Hồng; Bắc Trung Bộ; Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, Đông Nam Bộ; Đồng bằng sông Cửu Long.

- Cả nước.

**4. Kỳ báo cáo:** 6 tháng, hằng năm.

**5. Nguồn số liệu:** Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình theo Mẫu báo cáo được quy định tại Phụ lục I Thông tư này.



## **6. Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Cấp toàn ngành: Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia.
- Cấp tỉnh: Đơn vị được giao thực hiện Chương trình cấp tỉnh.

## **7. Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, báo cáo**

- Cấp Trung ương: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

# **VII. VỐN HUY ĐỘNG ĐÓNG GÓP TỰ NGUYỆN CỦA CỘNG ĐỒNG VÀ NGƯỜI DÂN**

## **1. Giải thích từ ngữ**

Vốn huy động đóng góp tự nguyện của cộng đồng và người dân là khoản đóng góp tự nguyện của người dân và cộng đồng bằng tiền mặt hoặc hiện vật (như đất đai, hoa màu và các tài sản gắn liền với đất,...), ngày công lao động quy đổi thành tiền, trong thực hiện Chương trình.

## **2. Phương pháp tính**

Vốn huy động đóng góp tự nguyện của cộng đồng và người dân (triệu đồng) = toàn bộ vốn của người dân và cộng đồng đóng góp thực hiện Chương trình trên địa bàn đến kỳ báo cáo.

## **3. Phân tổ chủ yếu**

- Tỉnh, thành phố;
- Vùng kinh tế - xã hội: Trung du và miền núi phía Bắc; Đồng bằng sông Hồng; Bắc Trung Bộ; Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, Đông Nam Bộ; Đồng bằng sông Cửu Long.
- Cả nước.

## **4. Kỳ báo cáo: 6 tháng, hằng năm.**

**5. Nguồn số liệu:** Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình theo Mẫu báo cáo được quy định tại Phụ lục I Thông tư này.

## **6. Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Cấp toàn ngành: Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia.
- Cấp tỉnh: Đơn vị được giao thực hiện Chương trình cấp tỉnh.

## **7. Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, báo cáo**

- Cấp Trung ương: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.